

Sơ quát về chữ Tướng trong Phật đạo qua Duy Thức Học

ISSN: 2734-9195 11:53 02/12/2025

Sống với Thực Tướng Vô Tướng như thế chính là sống với Giác thể tròn sáng nơi A Lại Da thức, thanh thản, lồng lộng, tiêu dao với tháng ngày và với chỗ nơi, không còn bị vướng bận bởi thời gian, không gian.

Tác giả: **Khánh Hoàng**
Plano, November 29, 2025

Nói một cách tổng quát, có thể xem Tướng chính là tất cả những sắc thái biểu hiện, hiển bày từ toàn thể môi trường sống và từ toàn thể tâm thức. Môi trường sống bao gồm tất cả thế giới, các cảnh vật, tất cả con người cùng các loài sinh vật (động vật, thực vật, vi sinh vật...), các sự vật gọi chung là Lục Trần mà chúng ta tiếp xúc, thấy- nghe- hay- biết (Kiến- Văn- Giác -Tri), nhận thức và phân biệt được hằng ngày.

Lục Trần bao gồm 6 trần cảnh là Sắc (các vật chất cụ thể, được cảm nhận, giác tri qua mắt nhìn thấy), Thanh (các âm thanh, được cảm nhận, giác tri qua tai nghe), Hương (các mùi hương, được cảm nhận, giác tri qua mũi ngửi), Vị (các mùi vị, được cảm nhận, giác tri qua lưỡi nếm), Xúc (các tiếp chạm được cảm nhận, giác tri qua thân thể), Pháp (tất cả 5 trần vừa đề cập trước, được cảm nhận, giác tri, phân biệt qua não bộ trong thân).

Lục Trần được đón nhận, thu nhận, tiếp nhận qua Lục Căn. Lục Căn gồm có Nhãn(mắt), Nhĩ (tai), Tỷ (mũi), Thiệt (lưỡi), Thân (thân thể), và Ý Thức (Não Bộ). Vậy Lục Căn có thể được xem là 6 cơ quan, 6 bộ phận của thân thể chỉ dùng để đón nhận, thu nhận, tiếp nhận trần cảnh, giống như máy ảnh chỉ tiếp nhận phong cảnh hay giống như máy thu âm chỉ thu thập âm thanh...

Do đó, nếu chỉ dừng lại ở giai đoạn chỉ có Lục Trần và Lục Căn thì chưa có xuất hiện các tri giác, nhận thức, phân biệt, hiểu biết, cảm nhận, cảm xúc ...của con người.

Điều này có nghĩa là để Lục Căn có thể nhận biết, phân biệt rành rọt được Lục Trần thì nơi Mắt cần phải có thêm phần tâm thức riêng rẽ của Mắt, gọi là Nhãn Thức; nơi Tai, cần phải có thêm phần tâm thức riêng rẽ của tai, gọi là Nhĩ Thức; nơi Mũi, Lưỡi, Thân, và Não Bộ cũng tương tự như vậy, cần phải có thêm Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức, và Ý Thức. Phần tâm thức riêng rẽ nơi từng Căn của Lục Căn này được Duy Thức Học gọi là Lục Thức, hay chính xác hơn gọi là Tiền Lục Thức (Sáu Thức Trước).

Gọi là Tiền Lục Thức để minh định là ngoài 6 thức thô phù hiển hiện ra bên ngoài cảnh trần này còn có thêm 2 thức tiềm ẩn, tinh tế, sâu xa bên trong tâm thức. Hai thức tiềm ẩn này có tên gọi là Mạt Na Thức (Thức Thứ Bảy, có công năng tư lương chấp Ngã) và A Lại Da Thức (Thức Thứ Tám, có công năng cất chứa, tàng trữ chủng tử nghiệp thức). Hai thức tiềm ẩn này chính là cội nguồn phát sinh và hình thành ra Tiền Lục Thức và cùng với Tiền Lục Thức khiến có ra 8 Thức, được gọi chung là Bát Thức Tâm Vương.

Đến đây, có thể minh định tất cả Tướng nơi môi trường sống chính là sản phẩm được tạo dựng và hình thành từ 3 yếu tố căn bản là: 1.Căn = là lục căn, là 6 giác quan nơi thân thể; 2.Trần = là lục trần, là 6 trần cảnh bên ngoài thân thể, gọi là "trần" vì chúng có khả năng làm nhiễm ô tâm thức như bụi bặm trong hư không có khả năng làm hoen mờ gương soi; và 3.Thức = là Tiền Lục Thức, 6 thức điều động thân thể, 6 thức này có sự quan hệ mật thiết, quan hệ căn nguồn với Mạt Na Thức và A Lại Da Thức.

Nói một cách khác, chính do 3 yếu tố căn bản này hòa hợp vào nhau mà khiến tâm thức có ra sự xúc chạm, đón nhận, tiếp nhận, cảm nhận, tri nhận, phân biệt được vô lượng các cảnh tướng, sắc tướng, dạng tướng, trạng tướng ...nơi cảnh trần cùng khởi sinh và phát triển ra các cảm nhận, giác tri, thức tri, phân biệt về tất cả các Tướng nơi tâm thức của chúng ta.

Do đây, 3 yếu tố căn bản này được **Duy Thức Học** gọi tên là “Tam Hòa Hiệp”. Điều này đã được đề cập và minh thị ngay trong 4 câu đầu tiên, bài tụng thứ nhất của 30 bài tụng trong Duy Thức Tam Thập Tụng (tác giả: tổ Thế Thân (316-396)) như sau:

*“Do giả thuyết ngã pháp
Hữu chủng chủng Tướng chuyển
Bỉ y thức sở biến
Thử năng biến duy tam”*

Tạm dịch:

*"Bởi tạm nói về Ngã và Pháp
Mà có ra vô lượng các Tướng hành chuyển
Các Tướng kia đều nương vào nơi biến hiện của tâm thức
Tâm thức năng biến này chỉ có ba thứ".*

Có thể tạm giải thích sơ lược 4 câu này:

“Bởi tạm nói về Ngã và Pháp” = Khi nói về Ngã và Pháp là chỉ nói theo ngữ ngôn, văn tự nơi thế gian; văn tự, ngữ ngôn thế gian này không có đủ mức độ thâm sâu, vi tế, chính xác để diễn đạt được chân lý nơi Phật Đạo nên đây chỉ là nói một cách tạm thời, nói một cách giả tạm thôi.

Thêm một lý do khác nữa là bởi vì cả hai "Ngã" và "Pháp" cũng đều chỉ là như huyễn, không thật có, nên nói về những cái không thật có thì cũng chỉ là "tạm nói" mà thôi: "Ngã" lúc sơ khởi chỉ là sự chấp trụ nơi Mạt Na Thức, được phát sinh do Mạt Na Thức chấp vào kiến phần của A Lại Da thức mà cho là tự ngã rồi sau đó Ngã tướng sơ khởi này được có thêm vô lượng các Ngã Sở Hữu nên đã phát triển, lớn mạnh thêm nơi Ý Thức tư duy phân biệt; còn Pháp chỉ là các tướng trạng, các tên gọi (danh hiệu), các hình tướng, các dư ảnh, dư âm, dư vị ... từ nơi trần cảnh bên bên ngoài được Tiền Ngũ Thức tiếp nhận, tri nhận rồi đưa vào Ý Thức phân biệt, so đo, tính toán, chấp vướng mà phát sinh ra tình thức, phiền não, kết tinh thành tập khí, chủng tử, nghiệp thức cho vòng sinh tử luân hồi bất tận.

“Mà có ra vô lượng các Tướng hành chuyển”= Nói về có Ngã và có Pháp tức là đã nói về sự hành chuyển, đón nhận, tiếp nhận, ghi nhận, nhận biết, phân biệt ra vô lượng các Tướng nơi Bát Thức Tâm Vương nói chung và của Tiền Lục Thức (6 Thức) nói riêng về các trạng thái, sắc thái của 6 trần cảnh (6 Trần) khởi xuất từ nơi 6 Thân Căn (6 Căn). Vô lượng các Tướng này như thế có thể được phân định ra 2 nhóm chính; đó là: 1. Trần Cảnh Tướng = là các tướng thuộc về 5 trần cảnh bên ngoài (Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc); 2. Tâm Thức Tướng = là các tướng thuộc về Tâm Thức mà phong phú và được tập trung nhiều nhất, chính là ở nơi Ý Thức (Nã Bộ).

Tâm Thức Tướng nơi Ý Thức có thể còn được gọi là “Pháp Trần Tướng” (nếu Ý Thức nhớ nghĩ, suy niệm, phân biệt thuần túy về cảnh trần rồi phan duyên và bị nhiễm ô theo cảnh trần) hoặc được gọi là “Pháp Cảnh Tướng” hay vắn tắt hơn gọi là “Pháp Tướng” (khi Ý Thức chỉ nhớ nghĩ, suy niệm, phân biệt về những đối tượng thuần túy thuộc về tâm thức, không còn có bóng dáng của cảnh trần nữa).

Theo **Duy Thức Học**, nhóm Tâm Thức Tướng cũng chính là 51 Tâm Sở cộng với 24 món Tâm Bất Tương Ứng Hành Pháp, cùng với 6 món Vô Vi pháp đều khởi sinh từ 3 Thức Năng Biến (Bát Thức Tâm Vương) cho nên tất cả 81 món này gộp chung với 8 Thức Tâm Vương có thể được gọi chung là Năng Biến Tướng; còn nhóm Trần Cảnh Tướng cũng chính là Sở Biến Tướng của khí thể gian, môi trường hiện hữu và sinh trưởng của Năng Biến Tướng, chỉ bao gồm trong 11 Sắc Pháp bao gồm 6 Trần (Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp) và 5 Căn (Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân).

Do đó, Tâm Thức Tướng và Trần Cảnh Tướng có sự khởi sinh và hiện hữu tương hệ rất mật thiết và hỗ tương với nhau như lời dạy của tổ Mã Tổ (709 - 788): "Phàm tất cả sắc chất thấy được, đều là thấy tâm cả. Tâm không tự là tâm, nhân vì có sắc cho nên có tâm...".

"Các Tướng kia đều nương vào nơi biến hiện của tâm thức" = Tất cả các Tướng, bao gồm Trần Cảnh Tướng và Tâm Thức Tướng nêu trên đều xuất phát từ Bát Thức Tâm Vương, và cũng chỉ là sự biến hiện của Bát Thức Tâm Vương.

"Tâm thức năng biến này chỉ có ba thứ" = Bát Thức Tâm Vương được **Duy Thức Học** phân định rành mạch ra 3 nhóm Năng Biến, đó là: 1. A Lại Da thức là nhóm Năng Biến thứ nhất, 2. Mạt Na Thức là nhóm Năng Biến thứ hai, và 3. Tiền Lục Thức, bao gồm Ý Thức và Tiền Ngũ Thức, là nhóm Năng Biến thứ ba.



Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa

Sự hành chuyển của Bát Thức Tâm Vương trong tiến trình đón nhận, tiếp nhận, ghi nhận, cảm nhận, tri nhận, phân biệt tỏ tường ra vô lượng các tướng trạng ở nơi trần cảnh của môi trường sống và ở nơi tâm thức có thể được sơ lược phân định ra 3 giai đoạn chính yếu như sau:

1. Giai đoạn thứ nhất là ở nơi Tiền Ngũ Thức (Năm Thức Trước). Đây là giai đoạn Tiền Ngũ Căn (Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân) đón nhận, tiếp nhận, ghi nhận Tiền Ngũ Trần (Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc) rồi sơ khởi nhận biết, phân biệt ra vô lượng các tướng trạng của 5 trần cảnh này qua Tiền Ngũ Thức (Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức).

Như ở nơi Nhãn căn, có vô lượng tướng trạng thuộc về Sắc Trần (Sắc Trần Tướng) bao gồm các tướng về khối thể (lớn-nhỏ- kền càng- tí xiu ...), về hình thể, dạng thể (vuông-tròn-dài-ngắn -phồng-dẹt-nhọn-bén-cùn -gồ ghề-phẳng phiu- khúc khuỷu-thẳng bằng ...), về sắc thể (màu sắc xanh-vàng-đỏ-trắng...), về chất thể, cấu thể (đặc-lỗng-khí hơi ...); ở nơi Nhĩ Căn (Tai) cũng có vô lượng các tướng trạng thuộc về Thanh Trần (Thanh Trần Tướng) bao gồm các tướng như các âm thanh lớn-nhỏ, rền-dịu, đục-trong, ...; nơi Tỷ Căn (Mũi) cũng có vô lượng các tướng trạng thuộc về Hương Trần (Hương Trần Tướng) như các mùi nồng - thoảng, thơm-hôi...; ở nơi Thiệt Căn (Lưỡi) cũng có vô lượng các tướng trạng thuộc về Vị Trần (Vị Trần Tướng) như các vị mặn-ngọt-chua-cay, đậm-nhạt, ...; ở nơi Thân Căn (Thân) cũng có vô lượng các tướng trạng thuộc về Xúc Trần (Xúc Trần Tướng) như lạnh-ấm-nóng-mềm-cứng-nhám-trơn...

Duy Thức Học minh định vô lượng cảnh tướng nơi Tiền Ngũ Thức cùng có chung 3 đặc điểm là Tính Cảnh, Hiện Lượng và có đủ 3 Tính. Ba đặc điểm này có thể được giải thích sơ lược như sau: 1. Tính Cảnh = là cảnh chân thực, cảnh tướng như thế nào thì được Tiền Ngũ Thức tiếp nhận, ghi nhận như thế ấy, không thêm, không bớt; là cảnh còn có tính cách sơ khởi, tương đối tổng quát, đại thể, chưa được tinh tế, rạch ròi, sâu đậm như cảnh ở nơi Ý Thức. 2. Hiện Lượng = sự tiếp nhận, ghi nhận cảnh tướng nơi Tiền Ngũ Thức là ở ngay trong sát na hiện tại một cách khách quan, chưa có sự phân biệt so đo, suy lường của Ý Thức. 3. Tam Tính = cảnh tướng nơi Tiền Ngũ Thức tùy theo từng trạng huống mà có thể có tính Thiện, hoặc có tính Ác, hoặc có tính Vô Ký (không thiện, không ác); thể hiện ra đầy đủ 3 Tính một cách bình đẳng, tự nhiên, không có bóng dáng của sự phân biệt nơi Ý Thức.

Qua **Duy Thức Học**, 3 Tính này cũng được thể hiện qua 3 nhóm tâm sở của tổng số 34 món tâm sở nơi Tiền Ngũ Thức. Đó là : 1) Nhóm tâm sở Thiện = gồm có 11 món tâm sở là 1. Tín = có lòng tin chân chính đối với Tam Bảo, tin thuận theo chân lý; 2. Tàm = tự biết xấu hổ với chính mình; 3. Quý = biết hổ thẹn với

người khác; 4.Vô Tham = không muốn, không cần có thêm những sự việc mình ưa thích; 5.Vô Sân = không muốn, không cần bớt đi những sự việc mình ghét bỏ; 6.Vô Si = hiểu biết rành rõ sự việc, không mờ ám; 7.Cần = tinh tấn, tiến bộ và tinh chuyên trong mọi việc thiện lành, 8.Kinh An = nhẹ nhàng, an lạc, không bị hôn trầm; 9.Bất Phóng Dật = không buông lung, và không phóng túng; 10.Hành Xả = có khả năng bố thí, buông bỏ, không bị chấp trước, dính mắc vào sự vật nơi thế gian; 11.Bất Hại = có lòng thương xót, không làm tổn hại chúng sinh. 2) Nhóm tâm sở Ác = gồm có 13 tâm sở Phiền Não, trong đó chia ra 3 nhóm phụ là: 2.1) Nhóm phụ thứ nhất là nhóm 8 Đại Tùy Phiền Não, bao gồm: 1.Trạo Cử = tâm thức chao động, không an tĩnh khiến rời xa Định và Xả; 2.Hôn Trầm = tâm thức mờ tối, nặng nề khiến chướng ngại Trí Huệ và Kinh An; 3.Bất Tín = không có lòng tin vào các pháp thiện lành khiến tâm thức dễ bị nhiễm ô, thường xuyên giải đãi, không được thanh tịnh; 4.Giải Đãi= biếng nhác, trễ nải, không tinh tấn; 5.Phóng Dật= phóng túng, buông lung, không thúc liễm thân tâm để đoạn ác tu thiện; 6. Thất Niệm = mất Chính Niệm, khiến đưa đến tán loạn cho tâm thức; 7.Tán Loạn = tâm thức bị rời rạc và rối loạn nên không thể tập trung để tu Định; 8.Bất Chính Tri = thấy biết không chân chính, hiểu biết sai lầm khiến tu hành không có hiệu quả. 2.2) Nhóm phụ thứ hai là nhóm 2 Trung Tùy Phiền Não bao gồm: 1.Vô Tàm = không biết tự thẹn với chính mình; 2. Vô Quý = không biết xấu hổ với những người khác. 2.3) Nhóm phụ thứ ba là nhóm 3 Căn Bản Phiền Não bao gồm: 1.Tham, 2.Sân, 3.Si. 3) Nhóm tâm sở Vô Ký = gồm có 10 tâm sở còn lại của 34 món tâm sở nơi Tiền Ngũ Thức, trong đó chia ra 2 nhóm phụ là: 3.1) Nhóm phụ thứ nhất là nhóm 5 Biến Hành tâm sở: là 5 tâm sở căn bản nhất của Duy Thức Học vì chúng được phát khởi từ ngay từ cội nguồn nơi A Lại Da thức; 5 tâm sở này bao gồm: 1.Xúc = là sự tiếp xúc giữa tâm thức và cảnh trần; 2.Tác Ý = là sự móng khởi ra tâm ý, khiến khơi dậy đánh thức chủng tử của Bát Thức Tâm Vương và khiến các dạng loại tâm sở được sinh khởi; 3.Thọ = là sự tiếp nhận, thọ nhận những cảnh tình thuận-nghịch, vui-buồn và những cảnh tình không thuận-nghịch, không vui-không buồn trong tâm thức; 4.Tưởng = là sự hiện khởi ra các tướng để ghi nhận, tri nhận, cảm nhận, ghi nhớ nơi tâm thức; 5.Tư = là sự nghĩ ngợi, trầm tư lắng xặng khiến tạo dựng ra đủ loại chủng tử nghiệp thức. 3.2) Nhóm phụ thứ hai là nhóm 5 Biệt Cảnh tâm sở: nhóm này phát khởi từ Mạt Na Thức, bao gồm: 1.Dục = là tâm thức mong cầu, muốn có; 2.Thắng Giải = là tâm thức thông liễu, hiểu biết rành rọt; 3.Niệm = là tâm thức nhớ nghĩ những cảnh tướng đã qua và mong cầu những cảnh tướng sẽ đến; 4.Định = là tâm thức chuyên sâu, chú trọng, không bị tán loạn vào cảnh giới, tướng trạng nên khiến phát sinh trí tuệ; 5.Huệ = là tâm thức được sáng tỏ, dút sạch nghi ngờ đối với các chân lý thiện lành.

Qua danh mục 34 món tâm sở này nơi Tiền Ngũ Thức, so với tổng số 51 món tâm sở của Duy Thức Học, chúng ta có thể ghi nhận sự vắng mặt của tổng số 17 món tâm sở, bao gồm các món tâm sở Tiểu Tỳ Phiền Não, các món còn lại (Mạn, Nghi, Ác Kiến) của 6 tâm sở Căn Bản Phiền Não (Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi, Ác Kiến), và các món tâm sở Bất Định (Hối, Miên, Tầm, Tư). Lý do của sự thiếu vắng này chính là vì mức độ Tiền Ngũ Thức tiếp nhận, ghi nhận Trần Cảnh Tướng chỉ giới hạn nơi tính cách Hiện Lượng mà chưa có đầy đủ cả 3 Lượng (nghĩa là có thêm Tỷ Lượng và Phi Lượng) như ở nơi Ý Thức. Đây cũng được xem là có sự tương ứng với công năng Thấy - Nghe - Hay - Biết (Kiến - Văn - Giác - Tri) của Tiền Ngũ Thức vốn có tính cách không bị chi phối theo thời gian, không bị tác động bởi qui luật biến hoại Thành - Trụ - Di - Diệt, Sinh Diệt vô thường. Trong kinh Thủ Lăng Nghiêm, đức Phật đã khai thị về sự tính cách hỗn nhiên, thoát ra khỏi qui luật vô thường, không biến đổi theo thời gian của công năng nơi Tiền Ngũ Thức cho vua Ba Tư Nặc khi đức Phật hỏi nhà vua về cái chỗ thấy biết sông Hằng của nhà vua lúc 3 tuổi so với lúc 62 tuổi có khác biệt gì không; và nhà vua đã trả lời là không có gì khác biệt cả.

Do cách thức tiếp nhận, ghi nhận Trần Cảnh Tướng của Tiền Ngũ Thức là trực tiếp, khoáng đạt, không ngăn ngại và cũng không thêm bớt bất cứ điều gì vì đây chưa có sự xen trộn, can thiệp, chi phối của Ý Thức; nên nếu diễn đạt theo cách nói nơi đời sống dân gian quê hương Việt Nam là “có sao, nói vậy”, “có sao, sống vậy” hay “có bao nhiêu, xài bấy nhiêu”... Đây cũng là cách thức thiền sư Hối Đường Tổ Tâm (1025-1100) khai nhãn cho vị quan Thái Sử Hoàng Đình Kiên (đời Tống, Trung Quốc) trong Thiền chuyện sau: “Thái Sử đến tham vấn Sư và xin Sư chỉ dạy con đường tắt để vào đạo. Sư nói: “Trọng Ni (Khổng Tử) nói rằng: “Có vài ba người cho là ta có dấu điểm nhưng ta có dấu điểm ông điều gì đâu”. Vậy bình thường Thái Sử nghĩ thế nào về câu nói này?”. Thái Sử vừa định trả lời, Sư liền nói: “Chẳng phải! Chẳng phải”. Thái Sử nghe vậy, càng thêm mờ mịt, không rõ được yếu chỉ. Một hôm, Thái Sử hầu Sư đi dạo núi, lúc ấy hoa quế đang mùa nở rộ, Sư hỏi: “Ông có nghe mùi thơm hoa quế chẳng?”. Thái Sử nói: “Dạ có”. Sư liền nói: “Ta có dấu điểm ông điều gì đâu!”. Ngay dưới lời này, Thái Sử liền thấy được chỗ vào, bèn lễ bái “.Tuy nhiên có thể cảm nhận chỗ vào ở đây chỉ là vừa đã thấy được cửa để vào, chỉ là mới được gọi là “Minh Tâm”; tâm được nhẹ nhàng, trong sáng, gọi là Kiến Đạo; chứ chưa là lúc đã đến được tới nơi mong muốn vào đến (gọi là rốt ráo Kiến Tính). Về sự chứng đắc nơi Tiền Ngũ Thức trong nhà Thiền, còn có câu chuyện thấy hoa đào mà ngộ đạo của ngài Linh Vân Tuyết Cẩn (?-?, khoảng thế kỷ thứ 9, đời Đường) và nhiều chuyện khác... Để minh chứng sự chứng đắc này có lẽ còn ở một chừng mực nào đó, có thể đưa ra thêm 2 Thiền chuyện như sau: 1. “Tổ Tuyết Phong một hôm hỏi ngài Đạo Phó về câu nói của tổ Qui Sơn về ‘Kiến Sắc Tiệm Minh Tâm’ (tạm dịch =

‘Thấy sắc tướng, ngay khi đó được sáng tâm’), Ngài đáp: “Người xưa vì chuyện gì thế?”. Tổ nói: “Tuy là như vậy nhưng cũng nên cùng ông thương lượng”. Ngài nói: “Nếu thế thì chẳng bằng Đạo Phó cày đất”; 2. Tổ Pháp Nhãn Văn Ích (885-958), một cách trực tiếp và mạnh mẽ hơn: “Nhân khi đào giếng, mạch nước bị cát lấp, Tổ hỏi: “Mạch nước (Tuyền Nhãn) bị cát lấp, còn Đạo Nhãn bị cái gì lấp?”. Mọi người đều không có lời đáp, Tổ bèn tự trả lời :“Bị mắt lấp mắt”.(Theo Văn Ích Ngữ Lục). Điều vừa đề cập trên cũng đã được đức Phật khai thị và khẳng nhận nơi kinh Kim Cang, chương 5 “Như Lý Thật Kiến”. Chương này nêu ra 2 mấu chốt quan trọng về sự nhận biết, phân biệt sắc tướng cùng sự phân định rành rọt hiệu năng tu tập từ nơi thân tướng Tiền Ngũ Thức, cũng là thuộc về giai đoạn đầu tiên đưa tất cả Tướng trở về cảnh giới Vô Tướng: 1. “Không thể do nơi thân tướng mà thấy Như Lai”; và 2. “Phàm cái gì có tướng đều là hư dối”, nên “nếu thấy tất cả các tướng là phi tướng, tức là thấy Như Lai”.

2. Giai đoạn thứ hai là ở nơi Ý Thức và Mạt Na Thức, nơi qui tụ và tập trung của 2 công năng lớn của Bát Thức Tâm Vương và là 2 công năng căn bản, chủ yếu trong tiến trình kết tập chủng tử nghiệp thức của trùng trùng sinh tử- luân hồi: đó là công năng tư duy liễu cảnh cùng tư duy chấp Pháp từ chính bản thân, tự thể của Ý Thức và công năng tư lương chấp Ngã từ Mạt Na Thức (Mạt Na Thức còn được gọi là Ý Căn, là căn nguồn của Ý Thức nên Ý Thức và Mạt Na Thức có mối liên hệ không thể tách rời).

Ở giai đoạn này, các tướng trạng đã được nhận biết, phân biệt nơi Tiền Ngũ Thức nay được Ý Thức nghiền ngẫm, phân biệt, đánh giá, suy lường, so đo, chọn lọc, chọn lựa, xếp hạng, tô bồi thêm sức chấp trước, dính mắc vào trần cảnh tướng và tâm thức tướng đã có ...để khiến có ra đầy đủ tất cả 51 món tâm sở của Duy Thức Học.

Điều này có nghĩa là nơi 34 tâm sở đã sẵn có nơi Tiền Ngũ Thức nay lại được gia bồi thêm 17 tâm sở nữa, trong đó đặc sắc và quan trọng nhất chính là có sự xuất hiện thêm các tâm sở Tiểu Tùy Phiền Não. Được gọi là Tiểu Tùy Phiền Não vì sau khi Tiền Ngũ Thức xúc chạm với Trần Cảnh Tướng mà khởi phát ra các Căn Bản Phiền Não (Tham, Sân, Si) thì các cảnh tướng này còn có tính cách mệnh mang, tổng quát của các dạng loại Đại Tùy Phiền Não và Trung Tùy Phiền Não; các cảnh tướng này khi được đưa đến Ý Thức, chúng sẽ được Ý Thức chú mục, phân biệt, so đo, tính toán kỹ lưỡng với đầy đủ 3 Cảnh, 3 Lượng...nghĩa là Ý Thức có thể chỉ tập trung vào một đối tượng chuyên biệt, chi tiết cụ thể nào đó (như một người, một cảnh, một sự , một vật...); chi tiết này được gọi là có phạm vi tương ứng nhỏ hẹp để phát khởi ra phiền não, gọi là Tiểu Tùy Phiền Não.. Như vậy, 17 tâm sở được có thêm nơi Ý Thức này được phân loại ra ra 3 nhóm, đó là: Nhóm 1 gồm có 10 món tâm sở Tiểu Tùy Phiền Não bao gồm:

1. Phẫn = giận dữ, hung tợn; 2. Hận = uất ức, căm hờn; 3. Phú = che dấu tội lỗi, lầm lỗi, khuyết điểm của mình; 4. Nảo = lo buồn nung nấu; 5. Tật = ganh ghét, đố kỵ; 6. Xan = bòn xẻn, lẩn tiếc tài sản, không muốn chia sẻ, xả bỏ; 7. Cuống = Dối trá để cầu lợi dưỡng bản thân; 8. Siểm: Dua nịnh; 9. Hại: gây ra tổn hại đến, người, đến vật; 10. Kiêu = kiêu căng, kiêu ngạo. Nhóm 2 gồm có 3 món tâm sở Căn Bản Phiền Nảo là: 1. Mạn = ngạo mạn, khinh mạn, ngã tướng quá lớn; 2. Nghi = còn có chướng ngại, chưa thông suốt được Sự- Lý nơi Chính Pháp; 3. Ác Kiến = khả năng thấy biết ô nhiễm, chưa được thiện lành bởi còn bị chấp vướng theo 5 chỗ thấy biết lầm lạc là Thân Kiến, Biên Kiến, Tà Kiến, Kiến Thủ và Giới Cấm Thủ. Nhóm 3 gồm có 4 món tâm sở Bất Định, 4 món tâm sở không xác định rõ là Thiện hay là Ác, đó là: 1. Hối = hối hận, ăn năn các sự việc thiện-ác đã qua trong đời; 2. Miên = sự mơ ngủ, mờ mịt, mê muội, không sáng suốt; 3. Tầm = Tìm cầu, theo đuổi khiến thân tâm chao động, chẳng yên; 4. Tư = Tư lương suy nghĩ, suy xét kỹ lưỡng.

Do có đầy đủ số lượng tối đa 51 tâm sở nên Ý Thức cũng thể hiện đầy đủ tất cả 3 Lượng, 3 Cảnh, và 3 Tính của Duy Thức Học. Ba Lượng là: 1. Hiện Lượng = đã được nêu bên trên ở phần Tiền Ngũ Thức, nhưng Hiện Lượng của Ý Thức có hơi khác với Hiện Lượng của Tiền Ngũ Thức vì Tiền Ngũ Thức chỉ tri nhận Trần Cảnh Tượng còn Ý Thức thì có thể nhận biết cả Trần Cảnh Tượng lẫn Tâm Thức Tượng; 2. Tỷ Lượng = là nội dung tri lượng, nhận biết Trần Cảnh Tượng và Tâm Thức Tượng một cách chi ly, kỹ càng với so sánh, suy lường tỉ mỉ; như thấy có lửa bèn suy lường, nhận biết đó là lửa do củi, do than, do dầu xăng, do khí ga, do điện chập...mà có ra; 3. Phi lượng = là tri lượng sai lầm, không đúng sự thật bởi do tâm thức bị rối loạn, không sáng suốt, không định tĩnh, có tính cách chủ quan, phiến diện, cực đoan nên dễ đưa đến các nhận định, thành kiến sai lầm, xa lìa thực tế khách quan, như được diễn tả trong câu tục ngữ quen thuộc của quê hương Việt Nam: “thương nhau củ ấu cũng tròn, ghét nhau quả bồ hòn cũng méo ...”. Ba Cảnh là: 1. Tính Cảnh = đã được nêu bên trên ở phần Tiền Ngũ Thức, nhưng ở Tiền Ngũ Thức thì chỉ có Trần Cảnh Tượng còn ở đây là có chung cả 2 nhóm Trần Cảnh Tượng lẫn Tâm Thức Tượng; 2. Đối Chất Cảnh = được cảm nhận là các cảnh nơi tâm thức có bản chất kiêm đối, dính dáng liên lạc vào nhau, như Ý Thức dính dáng liên lạc với Mạt Na Thức để tiếp nhận trọn vẹn công năng chấp Ngã nơi Mạt Na Thức khiến có ra đầy đủ các dạng thể Ngã Tượng ở nơi Ý Thức, và Ý Thức cũng có dính dáng liên lạc với Tiền Ngũ Thức để phân biệt tổ tường cảnh trần, có ra đầy đủ các dạng thể Pháp Tượng nơi Ý Thức. 3. Độ Ảnh Cảnh = là các cảnh chỉ có nơi Ý Thức và chỉ toàn là các bóng dáng (không có bản chất tự thể) của vọng tưởng phân biệt. Ba Tính là cảnh tượng nơi Ý Thức tùy theo từng trạng huống mà có thể có tính Thiện, hoặc có tính Ác, hoặc có tính Vô Ký (không thiện, không ác); thể hiện ra đầy đủ 3 Tính nhưng không theo

một cách bình đẳng, tự nhiên như ở nơi Tiền Ngũ Thức mà xuất phát từ sự tính toán so đo hơn thiệt một cách chi ly, kỹ càng, chuyên biệt, sâu sắc, tỉ mỉ vào đối tượng nhất định, rõ ràng và sâu đậm hơn so với 3 Tính của Tiền Ngũ Thức.

Ngoài 51 tâm sở của Tam Hòa Hiệp tướng vừa nêu trên, nơi Ý Thức còn có sự hiện hữu của 24 món Tâm Bất Tương Ứng Hành Pháp khiến càng làm phong phú, đa dạng thêm số lượng, chất lượng tướng trạng được tiếp nhận, ghi nhận, tri nhận. Đây là 24 món Tâm Tướng nhưng không thuộc vào Tam Hòa Hiệp tướng; 24 món này được liệt kê và giải thích sơ lược như sau: 1.Đắc = là được, 2.Mạng Căn = là thân căn trong một đời, 3.Chúng Đồng Phận = là đồng loại chúng sinh, 4.Dị Sinh Tính = là tính phạm phu, 5.Vô Tướng Định = là Định không còn có vọng tưởng, 6. Diệt Tận Định = là Định không còn có Tướng Uẩn và Thọ Uẩn, 7.Vô Tướng Báo = là kết quả được thọ sinh cõi trời Vô Tướng, 8.Danh Thân = là tên gọi sự vật, 9. Cú Thân = là kết hợp của nhiều Danh Thân, 10.Văn Thân = là kết hợp của nhiều Cú Thân, 11.Sinh = là bắt đầu của cái bắt đầu được có ra, 12.Trụ = là sự duy trì cái đã có, 13.Lão = là sự suy tàn cái đã có, 14.Vô Thường = là sự biến mất, không còn cái đã có, 15.Lưu Chuyển = là sự xoay vần nhân quả, 16.Định Vị = là nhân quả rành rọt, không mờ昧, 17.Tương Ứng = là cùng thuận hợp nhau, 18.Thế Tốc = là xoay vần mau lẹ, 19.Thứ Đệ = là có trật tự, thứ lớp, không lộn lạo, 20.Thời = là thời gian, 21.Phương = là không gian, 22. Số = là số lượng, 23.Hòa Hiệp = là không trái nghịch nhau, 24.Bất Hòa Hiệp = là trái nghịch nhau. Ý niệm về “Tướng” nơi Ý Thức được cảm nhận là đều có liên quan đến 24 món Tâm Bất Tương Ứng Hành Pháp này, nhưng trong đó gắn kết cực kỳ khắn khít chặt chẽ, mật thiết nhất được ghi nhận là món “Danh Thân” (Tâm Bất Tương Ứng Hành Pháp số 8). Lý do là vì Danh và Tướng tự nơi bản chất đã có sự liên hệ hỗ tương để cùng nhau hiện hữu: vì có Tướng nên cần có tên gọi mà đặt tên cho Tướng nên có ra Danh; và vì có tên gọi (Danh) này, nên khi vừa được nhắc đến tên (Danh), liền hiện ngay ra Tướng trạng đó nơi tâm thức. Qui luật muôn đời bất di bất dịch ở đây là cứ có một danh, liền có ngay một tướng, có bao nhiêu danh thì có bấy nhiêu tướng; hoặc ngược lại cứ có một tướng liền có ngay một danh; có bao nhiêu tướng thì có bấy nhiêu danh.

Trong kinh Lăng Già, đức Phật đã khai thị về Tướng và Danh chính là 2 pháp đầu tiên của 5 pháp Tự Tính Thức (Tướng, Danh, Phân Biệt, Chính Trí, Như Như). Ngoài món Danh ra, Ý Thức còn liên hệ rất khắn khít đến 3 món Tâm Bất Tương Ứng Hành khác là Thời, Phương, và Số (các Tâm Bất Tương Ứng Hành Pháp số 20, 21, và 22 theo thứ tự). Lý do là khi các tướng trạng hiện khởi lên nơi Ý Thức và khiến Ý Thức bị ràng buộc, không còn có Chính Niệm tỉnh giác nữa, đều có tương hệ mật thiết đến các yếu tố về tên gọi của “Danh”; về địa điểm, chỗ nơi, không gian của “Phương”; về ngày tháng thời gian, quá khứ, hiện tại,

vị lai của “Thời” và về số lượng (nhiều, ít, vừa phải) của “Số”. Trong nhà Thiền có câu chuyện kể: “Đại sư Thủ Sơ Sùng Tuệ (910-990) ban đầu đến tham yết tổ Vân Môn Văn Yến (864 - 949). Tổ hỏi: “Từ đâu tới?”, Sư đáp: “Từ Tra Độ đến”. Tổ lại hỏi: “Qua hạ an cư nơi đâu?”, Sư đáp: “Tại chùa Báo Từ”. Tổ lại hỏi: “Rời nơi đó lúc nào?”, Sư đáp: “Ngày 25 tháng 8”. Tổ nói: “Tha ông ba gậy”. Hôm sau, Sư lại đến, hỏi Tổ: “Hôm qua mong ơn Hòa thượng tha cho ba gậy, nhưng không biết lỗi ở chỗ nào?”, Tổ nói: “Cái bị côm! Giang Tây, Hồ Nam là thế nào?”. Ngay đó, Sư lập tức đại ngộ, liền nói: “Sau này đến nơi không khỏi nơi người thổi côm, không để dành một hạt gạo, không trồng một bụi cải, mà tiếp dẫn người học đạo mười phương, giúp họ bài trừ ngưng trệ, tắc nghẽn, lột nón trét dầu, cởi bỏ áo vải tanh hôi, khiến họ rỗng rang, làm Thiền tăng vô sự, há chẳng khoái ru?”.

Lại nữa, với đầy đủ 51 món tâm sở và cả 24 món Tâm Bất Tương Ứng Hành, Ý Thức như vậy hoàn toàn có khả năng gắn bện thêm các cảm xúc chủ quan cho các Tướng (Trần Cảnh Tướng và Tâm Thức Tướng). Các cảm xúc này ở địa vị phàm phu chính là xuất khởi từ đầy đủ 5 cảm thọ : 1.Ưu thọ = là cảm thọ lo buồn, ưu phiền; 2. Khổ thọ = là cảm thọ bất như ý, khó có thể chịu đựng; 3. Hỷ thọ = cảm thọ mừng vui, như ý; 4.Lạc thọ = cảm thọ thư thái, nhẹ nhàng; 5. Xả thọ = cảm thọ giải thoát, khinh an, không còn bị buộc ràng. Năm cảm thọ này lại kết hợp cùng vô số các đánh giá, các lượng định ... có tính cách có khi rất hạn hẹp, rất phiến diện, chủ quan sẽ khiến khởi sinh ra vô lượng các dạng loại phiền não.

Như Ý Thức có thể gắn bện thêm nơi các Tướng các ý niệm là đẹp, là xấu, là thân quen, là xa lạ, là dễ thương, là dễ ghét, là dễ mến, là dễ giận, là đáng kính trọng, là đáng khinh bỉ...; để rồi từ đó có ra thêm các hành xử nơi thân thể là sự gắn gủi, gắn kết, dựng xây (nếu là đẹp, là dễ thương, dễ mến, đáng kính trọng, đáng yêu quý...) hoặc là sự xa lánh, rời lìa, trừ diệt (nếu là xấu, là dễ ghét, dễ giận, đáng khinh bỉ, đáng sợ hãi...). Các phiền não này, nhất là các loại Tiểu Tỳ Phiền Não dù chỉ là các chấp mắc, vướng bận, không có thực thể nơi tâm thức nhưng lại chính là các nhân tố để hình thành, kết tạo ra muôn vàn chủng tử, nghiệp thức trói buộc cho vòng luân hồi bất tận trong vô lượng kiếp sống mai sau.

Chính bởi lý do này, Tam Tổ Tăng Xán (?- 606) trong Tín Tâm Minh đã tha thiết khai thị dẫn dò: "Chí đạo vô nan, Duy hiềm giản trạch, Đản mặc tăng ái , Đồng nhiên minh bạch" ; tạm dịch: "Chỗ tốt cùng của Đạo không khó, Chỉ e là còn so đo, chọn lựa, Chỉ cần không còn thương- ghét, Mọi sự tự nhiên đều được sáng tỏ, rõ ràng". Như thế, nhìn chung các tướng trạng ở giai đoạn nơi Ý Thức và Mạt Na Thức này đều có chung 3 đặc điểm là: 1. Đều có vô lượng tướng biến hóa,

đổi dời, sinh diệt không dừng nghỉ; 2. Các Tướng này dù đều là do từ nơi mắt thấy, tai nghe ... nhưng đều chỉ là huyễn ảo, không thật có; 3. Điều khiến chúng sinh trầm luân, sa lặc vào vòng sinh tử-luân hồi bất tận. Nơi kinh Kim Cang, chương 3 "Đại Thừa Chánh Tông", đức Phật đã khai thị tỏ tường về vô lượng tướng tâm thức biến hóa này gộp chung vào 9 dạng loại chúng sinh của tâm thức là 1.Noãn sinh, 2.Thai sinh, 3.Thấp sinh, 4.Hóa sinh, 5.Có sắc, 6.Không có sắc, 7.Có tướng, 8.Không có tướng, 9. Chẳng phải có tướng chẳng phải không có tướng; 9 dạng loại chúng sinh này lại được tổng hợp và chắt lọc mà có ra 4 Tướng là 1. Ngã tướng, 2. Nhơn tướng, 3. Chúng Sinh tướng, 4. Thọ Giả tướng.

Kinh cũng khai thị rõ là muốn hàng phục tâm thức như theo lời thỉnh cầu của ngài trưởng lão Tu Bồ Đề, ở đây có nghĩa là muốn vượt qua Ý Thức và Mạt Na Thức, các Bồ Tát cần phải độ thoát vô lượng tất cả 9 dạng loại chúng sinh vào Vô Dư Niết Bàn; mà độ thoát số lượng nhiều như vậy nhưng tâm thức lại cần phải thông tỏ được là không thật có chúng sinh nào được diệt độ. Diệt độ vô lượng, vô số chúng sinh mà không thấy có chúng sinh được diệt độ chính là đã hàng phục tâm, là tâm thức lúc này đã không còn có các công năng chấp Ngã và chấp Pháp từ nơi Mạt Na Thức và từ nơi Ý Thức, cũng là lúc tâm thức đã không còn bị vướng chấp vào các Tâm Bất Tương Ưng Hành Pháp (Đắc, ..., Danh thân, ...Số lượng, ..Tương Ưng..) nên đã có đủ sức để thể nhập vào A Lại Da thức, cũng gọi là đắc nhập giai vị Kiến Đạo. Đây là giai vị Sơ Quả Tu Đà Hoàn (bên Thanh Văn thừa), tương ứng với giai vị Sơ Địa Hoan Hỷ Bồ Tát của Thập Địa Bồ Tát (bên Bồ Tát thừa) để kể từ đây, các Ngài bắt đầu với trí tuệ Bát Nhã, sơ khởi thấy ra Phật Tính bản hữu mà tu tập xả bỏ kho tàng chủng tử nghiệp thức từ vô lượng kiếp để được Kiến Tính nơi giai vị A La Hán (bên Thanh Văn thừa), tương ứng với giai vị Bồ Tát Bát Địa Bất Động (bên Bồ Tát thừa). Trong nhà Thiền có câu chuyện kể: "Có vị tăng đến hỏi thiền sư Duy Khoan (755 – 817): "Đạo ở chỗ nào?"; Sư đáp: "Ở trước mắt". Tăng lại hỏi và lại được Sư khai thị, đối đáp như sau: "Sao con không thấy?"; " Vì người có ngã nên không thấy". " Con có ngã nên con không thấy, Hòa Thượng có thấy chăng?"; " Có người, có ta nên rồi cũng chẳng thấy". " Vậy nếu không con, không Hòa Thượng lại thấy chăng?"; " Không người, không ta; còn ai cần thấy?".

3. Giai đoạn thứ ba là ở nơi A Lại Da Thức, nơi chỉ có một công năng duy nhất là tàng chứa và tích nhóm vô vàn, bất khả kể số chủng tử nghiệp thức của chúng sinh theo qui luật nhân quả, làm căn bản sâu thẳm nhất cho luân hồi tử sinh trong vô lượng kiếp. Ở giai đoạn này, vô vàn tướng trạng chấp Ngã và chấp Pháp từ nơi Mạt Na Thức và Ý Thức đều đã không còn có điều kiện để tồn tại nên chúng dần dà được tiêu tan mất vào A Lại Da thức. Lý do khiến chúng không thể hiện hữu là vì A Lại Da thức chỉ là Giác thể thanh tịnh, có bản chất thật quá minh mang, nhẹ nhàng, trong sáng, bản hữu chỉ có vốn vẹn 5 tâm sở

Biến Hành (Xúc – Tác Ý – Thọ – Tưởng – Tư) ở giai đoạn tối sơ nên không còn có sức lực bám chấp mãnh liệt vào các tướng trạng như ở 7 thức trước (Tiền Thất Thức). Đó cũng là tương ứng với 6 pháp Vô Vi trong Duy Thức Học với ý nghĩa sơ lược như sau: 1.Hư Không Vô Vi = là cảnh giới phi sắc, phi tâm, không sinh diệt, không cấu tịnh, không tăng giảm nên không là chỗ có thể bám chấp cho tâm thức; 2.Trạch Diệt Vô Vi: là cảnh giới phát sinh từ trí tuệ Bát Nhã vô lậu đã chọn lọc và trừ diệt sạch hết các phiền não, nhiễm ô nơi tâm thức; 3.Phi Trạch Diệt Vô Vi = là cảnh giới tính thể Chân Như vốn sẵn thanh tịnh, không cần thiết phải chọn lọc, trừ diệt các phiền não, nhiễm ô nơi tâm thức; 4.Bất Động Diệt Vô Vi= là cảnh giới Thiền Định từ Đệ Tứ Thiền trở lên với tâm thức không còn bị chao động bởi các cảnh tướng; 5.Thọ Tưởng Diệt Vô Vi = là cảnh giới không còn bị Thọ uẩn và Tưởng Uẩn chi phối nơi Diệt Thọ Tưởng Định, tầng lớp Thiền Định sau cùng để bước vào địa vị A La Hán; 6.Chân Như Vô Vi = là cảnh giới Thật Tính của tất cả các pháp của địa vị A La Hán trở lên đến địa vị Phật.

Ngoài ra, A Lại Da thức chỉ có độc nhất một loại cảm thọ là Xả thọ mà không còn có 4 Thọ khác (Ưu thọ –Khổ thọ - Hỷ thọ – Lạc thọ) như ở 7 thức trước nữa. Tính năng có duy nhất một Xả Thọ này nơi A Lại Da thức được cảm nhận là có sự tương ứng với công hạnh “Bố Thí Vô Sở Trụ Tướng” để an trụ tâm thức nơi kinh Kim Cang, chương 4 “Diệu Hạnh Vô Trụ”. Đức Phật đã khai thị rõ trong kinh: “Bố Thí Vô Sở Trụ Tướng chính là bố thí mà tâm không trụ vào các pháp sắc, thanh, hương, vị, xúc pháp”.

Có thể nhận ra ý nghĩa của cụm từ “tâm không trụ” chính là bản thể hằng hữu của tâm thức A Lại Da, nơi Tiền Thất Thức đã qui hợp về, không còn bị dính mắc, chấp trước vào nơi 6 trần cảnh (sắc-thanh- hương-vị-xúc- pháp) nữa. Đây cũng chính là cách thức Bố Thí “Tam Luân Thể Không”: người cho, người nhận, vật cho và nhận, cả ba thể này đều là không, là bất khả đắc; và theo công hạnh nơi A Lại Da thức, tất cả đều được xả bỏ, không còn dính chấp nữa. Các bậc cổ đức cho rằng nếu thực hành được như vậy, thì chính là đã vào được Thực Tướng chính quán.

Thực Tướng đây cũng còn được gọi là Vô Tướng, là không còn hiện hữu các tướng trạng của trần cảnh và của tâm thức; vì tâm thức nay đã trọn vẹn không còn có dính mắc, chấp vướng vào cảnh trần và vào vô lượng sự chuyển biến ào ạt, dường như không cùng tận, không dừng nghỉ của dòng thác lũ chủng tử nghiệp thức. Sống với Thực Tướng Vô Tướng như thế chính là sống với Giác thể tròn sáng nơi A Lại Da thức, thanh thang, lồng lộng, tiêu dao với thảng ngày và với chỗ nơi, không còn bị vướng bận bởi thời gian, không gian.

Như Thiền chuyện về thiền sư Thiền Lão, đời Lý Việt Nam, như sau: "Khoảng niên hiệu Thông Thụy (1034-1038), vua Lý Thái Tông (1000 – 1054) thường đến chùa viếng thăm Sư. Một hôm, vua hỏi: " Hòa Thượng đến tu núi này được bao lâu rồi?"; Sư đáp:"Chỉ biết ngày tháng này, Ai rành xuân thu trước". Vua lại hỏi:" Như vậy hằng ngày Hòa Thượng làm việc gì?" Sư đáp: "Trúc biếc hoa vàng đâu cảnh khác, Trăng trong mây bạc hiện toàn chân". Vua lại hỏi: "Có ý chỉ gì?" Sư đáp: "Lời nhiều, sau vô ích". Vua hoát nhiên lãnh hội.". Giác thể tròn sáng mệnh mang, không có bờ mé nơi A Lại Da thức cũng được xem là căn nguồn của trí tuệ Bát Nhã nơi Tứ Quả Thanh Văn (bên Thanh Văn thừa) hoặc nơi Thập Địa Bồ Tát (bên Bồ Tát thừa). Đây là trí tuệ của các bậc đã Kiến Đạo, đã đầy đủ sức lực tu tập thành Phật, nên được gọi là KIẾN ĐẠO KHỞI TU, tu tập xuyên suốt đến giai vị Kiến Tính nơi các bậc A La Hán (bên Thanh Văn thừa), tương đương với Bát Địa Bồ Tát(bên Bồ Tát thừa), được gọi là KIẾN TÍNH THÀNH PHẬT. Giác Thể này cũng được ví như cội Bồ Đề mà không có cây, như gương chiếu khắp mà không có đài, như đã được minh thị trong bài kệ Vô Tướng của Lục Tổ Huệ Năng (638 -713):

“Bồ đề bốn vô thọ
Minh cảnh diệt phi đài
Bốn lai vô nhất vật
Hà xứ nhạ trần ai?”

Tạm dịch:

Gốc Bồ Đề không cây,
Gương sáng cũng không đài,
Xưa nay không một vật,
Chỗ nào vướng trần ai?

Trong Cảnh Đức Truyền Đăng Lục, có câu chuyện kể về thiền sư Dục Sơn Duy Nghiễm (751 – 834): "Một hôm, Sư đang ngồi trên tảng đá, tổ Thạch Đầu (700-790) trông thấy, liền hỏi:"Ông đang làm gì?"; Sư đáp: "Gì cũng chẳng làm". Tổ lại hỏi:"Như thế thì ông đang ngồi chơi rồi?"; Sư đáp:"Ngồi chơi tức làm". Tổ lại hỏi: "Ông nói chẳng làm, mà là chẳng làm cái gì?"; Sư liền trả lời:"Ngàn Thánh cũng không biết".

Ngàn Thánh cũng chỉ là Vô Tướng, 3 thời quá khứ-hiện tại-vị lai để có ra những sự việc "đã- đang- sẽ", cùng những sự việc có làm hay không làm, những sự việc đan xen giữa hai bên "Có" và "Không", giữa “Là” hay “Không Là” cũng chỉ Vô Tướng như vậy thôi...Huống chi là những cảm nhận, giác tri, những cái biết và những cái không biết của ngàn Thánh ư? Điều này có cần tri nhận, quan tâm đến? Chính chỗ này mới đích thực là chỗ rạng ngời, bừng sáng trí tuệ giải thoát

nhưng lại sẵn sàng và đầy đủ, bình đẳng tối thượng tuyệt vời của cảnh giới "Ngàn Thánh cũng không biết" vậy.

Tác giả: **Khánh Hoàng**

Plano, November 29, 2025